

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÍ LINH  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2022/HNGĐ- ST

Ngày: 24/3/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Thành.

2. Bà Nguyễn Thị Mai.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mạc Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở TAND thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2021/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Mạc Thị Thanh H, sinh năm 1973.

Trú tại: khu dân cư B, phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

**- Bị đơn:** Anh Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1971.

Trú tại: khu dân cư B, phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang chấp hành án tại đội 11, phân trại 4, trại giam Gia Trung, Cục C10- Bộ công an (huyện M, tỉnh Gia Lai)

Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Mạc Thị Thanh H trình bày: Chị và anh Phạm Ngọc Đ kết hôn với nhau ngày 15/4/1994, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C (nay là phường A, thành phố C). Sau ngày cưới, anh chị chung sống tại quê của chị ở phường A thành phố C đến năm 1996 thì chuyển lên quê của anh Đ ở tỉnh Điện Biên sống. Năm 1997, anh Đ phải đi chấp hành hình phạt tù nên chị về quê sinh sống. Năm 2004, anh Đ chấp hành xong hình phạt tù nên đã tiếp tục về sống cùng chị và con tại xã A. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Sau đó đến năm 2011, mẹ đẻ của anh Đ ốm nên anh Đ lại chuyển về tỉnh Điện Biên để chăm sóc mẹ. Đến năm 2013, chị được biết anh Đ lại bị bắt và phải thi hành án phạt tù. Từ đó đến nay, vợ chồng không liên lạc với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: chị và anh Đ có hai con chung là Phạm Thị Mỹ L, sinh ngày 16/02/1995 và Phạm Ngọc Tuấn A, sinh ngày 28/01/2008. Hiện cháu L đã trên 18 tuổi khỏe mạnh bình thường còn cháu T đang ở với chị H. Khi ly hôn, chị H đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với công sức gia đình hai bên: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn là anh Phạm Ngọc Đ trình bày: Anh và chị Mạc Thị Thanh H kết hôn với nhau ngày 15/4/1994, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C (nay là phường A, thành phố C). Sau ngày cưới, anh chị về chung sống tại phường A, thành phố C. Anh đi làm xa nhưng cũng hay về và điện thoại hỏi thăm chị H và con. Vợ chồng không có mâu thuẫn nào nhưng chị H xin ly hôn thì anh đồng ý. Tuy nhiên, do anh đang chấp hành án phạt tù nên không thể đến Tòa án được, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Anh Đ cũng xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Phạm Thị Mỹ L, sinh ngày 16/02/1995 và cháu Phạm Ngọc Tuấn A, sinh ngày 28/01/2008. Hiện cháu L đã trên 18 tuổi khỏe mạnh bình thường còn cháu Tuấn A đang ở với chị H. Nếu chị H xin nuôi cháu T và không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con chung thì anh nhất trí.

Về tài sản chung: anh không đề nghị giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Mạc Văn T là bố đẻ chị H thể hiện: mẹ đẻ chị H đã mất từ năm 2016. Chị H và anh Đ kết hôn với nhau ngày 15/4/1994 có đăng ký kết hôn tại UBND xã A (nay là phường A). Sau ngày cưới, anh chị về chung sống với vợ chồng ông một thời gian đến năm 1996 thì chuyển về quê

của anh Đ ở tỉnh Điện Biên sống được một thời gian chị H lại về chung sống với vợ chồng ông. Ông có hỏi lý do thì chị H có nói anh Đ phải đi chấp hành án tại trại giam. Quá trình chung sống tôi không nắm được anh chị có mâu thuẫn gì không. Từ lâu tôi không thấy anh Đ quay lại sống cùng chị H. Nay chị H đề nghị đề nghị được ly hôn đề nghị Tòa án cho anh chị được ly hôn. Anh chị có hai con chung là cháu Phạm Thị Mỹ L, sinh ngày 16/02/1995 và cháu Phạm Ngọc Tuấn A, sinh ngày 28/01/2008. Hiện cháu L đã trên 18 tuổi khỏe mạnh bình thường; cháu Tuấn A đang ở với chị H.

Tại biên bản xác minh của Trưởng khu dân cư B, phường A, thành phố C xác định: Chị H là công dân của địa phương. Năm 1994, chị H kết hôn với anh Đ. Sau đó anh chị sinh sống tại địa phương. Từ năm 2018, anh Đ đã không còn sống tại địa phương nữa vì địa phương được biết anh Đ phải đi chấp hành án tại trại giam. Quá trình anh chị chung sống, địa phương không thấy vợ chồng có mâu thuẫn gì. Anh chị có con chung là cháu Tuấn A đang ở cùng chị H, còn cháu L đã lập gia đình riêng.

Tại phiên tòa, chị H và anh Đ vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: giao con chung Phạm Ngọc Tuấn A, sinh ngày 28/01/2008 cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: chị phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

Chị Mạc Thị Thanh H khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Phạm Ngọc Đ có địa chỉ thường trú tại phường A, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Đ và chị H đều đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Ngọc Đ và chị Mạc Thị Thanh H kết hôn với nhau ngày 15/4/1994, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C (nay là phường A, thành phố C), tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống tại phường A, thành phố C. Năm 1997, anh Đ phải chấp hành án tại trại giam. Đến khi chấp hành án xong, vợ chồng tiếp tục chung sống. Khoảng năm 2012, vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn, xuất phát từ những bất đồng nhỏ nhưng ngày càng diễn ra thường xuyên. Anh Đ đã bỏ chị H và các con để đi làm kinh tế xa nhà. thỉnh thoảng anh Đ có gọi điện thoại về nhưng vợ chồng vẫn cãi nhau, mâu thuẫn không được cải thiện. Đến năm 2013, anh Đ tiếp tục phải thi hành án phạt tù tại tỉnh Gia Lai. Từ đó đến nay vợ chồng không liên lạc với nhau. Đến nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ và anh Đ cũng nhất trí. Như vậy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị H và anh Đ có hai con chung là Phạm Thị Mỹ L, sinh ngày 16/02/1995 và Phạm Ngọc Tuấn A, sinh ngày 28/01/2008. Hiện con chung Phạm Thị Mỹ L đã trên 18 tuổi khỏe mạnh, bình thường. Cháu Tuấn A đang ở với chị H và có nguyện vọng muốn được ở với chị H. HĐXX xét thấy cháu T ở với chị Huyền từ lâu và được đảm bảo đầy đủ về vật chất, tinh thần. Anh Đ đang chấp hành án tại trại giam nên việc để chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tuấn A sẽ giúp việc học tập, cuộc sống của cháu Tuấn A được ổn định và phù hợp với nguyện vọng của cháu. Vì vậy, cần thiết giao cháu Tuấn A cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Việc chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử chấp nhận yêu cầu của chị Mạc Thị Thanh H,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mạc Thị Thanh H được ly hôn anh Phạm Ngọc Đ.

2. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Thị Mỹ L, sinh ngày 16/02/1995 và Phạm Ngọc Tuấn A, sinh ngày 28/01/2008. Hiện cháu L đã đủ 18 tuổi nên chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao con chung là Phạm Ngọc Tuấn A, sinh ngày 28/01/2008 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Mạc Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0002865 ngày 22/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, chị H đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường A, TP C;
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Ngọc Hà**

